

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 5 năm 2026

BẢNG ĐÁNG GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	CÔNG TY ĐỒNG TIẾN	CÔNG TY ĐỒNG ĐỘ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG		100	94	87
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm) *		15	15	15
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản	Có 02 chi nhánh trở lên	5	5	5
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	3		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp được doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội và được bộ tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề	Trên 07 thẩm định viên	5	5	5
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		
		Dưới 05 thẩm định viên	3		



3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	Trên 05 năm	5	5	5
		Từ 03 đến 05 năm	5		
		Dưới 03 năm	4		
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60	54	47
1	Hồ sơ đã thẩm định trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá	Trên 30 hồ sơ	15		
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14	14	14
		Dưới 20 hồ sơ	13		
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	Không bị xử phạt vi phạm hành chính	10	10	10
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9		
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khác phục xong	8		
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính	0		
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	Trước 07 ngày từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	5		5
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	4	4	

		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình	10		
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9		9
		Trên 05 ngày làm việc	8	8	
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10		
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9	9	
		Không có phần mềm	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10		
		Từ 70 đến dưới 80 điểm	9	9	9
		Từ 60 đến dưới 70 điểm	8		
III	Năng lực tài chính		15	15	15

1	Có biểu phí dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty	5	5	5
---	--	---	---	---

2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá các tiêu chí dưới đây	Thấp nhất trong các hồ sơ đăng ký	5	5	5
		Thấp thứ 2	4		
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		
		Thấp thứ 5	1		
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần đây	Trên 5 tỷ/năm	5	5	5
		Từ 3-5 tỷ/năm	4		
		Từ 1-3 tỷ/ năm	3		
		Dưới 1 tỷ	2		
IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp, vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp, điều kiện đặc thù của địa phương)		10	10	10

**PHÊ DUYỆT LÃNH ĐẠO PHÒNG
THI HÀNH AN DÂN SỰ KHU VỰC 2**



Lê Anh Sơn

CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Cơ Thạch